

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 25-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14125567	NGUYỄN QUÝ	BÌNH	DH14BQNT	<u>1</u>	4		8.5	7.2		
2	14125568	NGUYỄN HOÀNG	DANH	DH14BQNT	<u>1</u>	8		5.5	6.3		
3	14125571	QUẢNG THỊ KIM	DUNG	DH14BQNT	<u>1</u>	8		3	4.5		
4	14125574	ĐỖ THỊ XUÂN	HIỀN	DH14BQNT	<u>1</u>	7		8	7.7		
5	14125575	NGUYỄN NGỌC	HUY	DH14BQNT	<u>1</u>	5		7	6.4		
6	14125576	PHAN HẬU	HƯNG	DH14BQNT	<u>1</u>	7		3.5	4.6		
7	14125577	DƯƠNG THỊ KIM	LIÊN	DH14BQNT	<u>1</u>	7		3.5	4.6		
8	14125578	TÀ THỊ ANH	MAI	DH14BQNT	<u>1</u>	8		7.5	7.7		
9	14125579	LÊ NHÃ	PHONG	DH14BQNT	<u>1</u>	8		6.5	7.0		
10	14125580	VÕ MINH	THẾ	DH14BQNT	<u>1</u>	8		2.5	4.2		
11	14125581	TRẦN THỊ KIM	THOA	DH14BQNT	<u>1</u>	6		5.5	5.7		
12	14125582	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	DH14BQNT	<u>1</u>	8		8	8.0		
13	14125583	TRẦN AN	XUÂN	DH14BQNT	<u>1</u>	8		6	6.6		
14	14125665	HÀNG QUỲNH	ANH	DH14BQNT	<u>1</u>	6		8	7.4		
15	14125668	PHẠM THANH QUỲNH	CHI	DH14BQNT	<u>1</u>	6		5	5.8		
16	14125670	MAI THỊ THUY	DUNG	DH14BQNT	<u>1</u>	7		7	7.0		
17	14125673	PHAN HẢI	ĐĂNG	DH14BQNT	<u>1</u>	5		6.5	6.1		

Mã nhận dạng 04895

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 25-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thí 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14125675	LÊ THỊ HẠNH	DH14BQNT	Lê	1	7		7	7.0	●	●
19	14125676	VÕ THỊ MỸ HẠNH	DH14BQNT	Mỹ	1	7		6.5	6.7	●	●
20	14125679	PHAN THỊ HIỀN	DH14BQNT	Phan	1	7		6.5	6.7	●	●
21	14125683	TRẦN QUỐC HÙNG	DH14BQNT	Trần	1	7		6	6.3	●	●
22	14125687	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LỘC	DH14BQNT	Như	1	7		7	7.0	●	●
23	14125690	LÊ THỊ BÍCH NGÀ	DH14BQNT	Lê	1	8		7	7.3	●	●
24	14125691	TRÌNH CÔNG NHẬT	DH14BQNT	Công	1	6		5.5	5.7	●	●
25	14125692	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	DH14BQNT	Nhi	1	8		7	7.3	●	●
26	14125696	HOÀNG HẢI PHÚ	DH14BQNT	Phú	1	6		2	3.2	●	●
27	14125699	LÊ HỒNG PHƯỚC	DH14BQNT	Phước	1	7		6	6.3	●	●
28	14125700	PHẠM THỊ QUỲNH QUYÊN	DH14BQNT	Quỳnh						●	●
29	14125703	TÀI THỊ SÓM	DH14BQNT	Tài	1	5		4.5	4.7	●	●
30	14125705	NGUYỄN THỊ THẢO	DH14BQNT	Thảo	1	8		7	7.3	●	●
31	14125707	NGUYỄN TÂN THẮNG	DH14BQNT	Tân	1	6		4.5	5.0	●	●
32	14125708	VÕ THỊ KIM THI	DH14BQNT	Thị	1	8		8	8.0	●	●
33	14125709	NGUYỄN THỊ THUỶ	DH14BQNT	Thuỷ	1	3		5	4.4	●	●
34	14125711	CAO THỊ HUỖN TRANG	DH14BQNT	Trang	1	7		6.5	6.7	●	●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B1 - 25-202112

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14125712	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	DH14BQNT	1	8		8.5	8.4		
36	14125713	HUỖNH ĐẶNG THANH	TRÂM	DH14BQNT	1	8		4	5.2		
37	14125714	TRẦN NGỌC TỔ	TRÂM	DH14BQNT	1	7		5.5	6.0		
38	14125715	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH14BQNT	1	6		7	6.7		
39	14125716	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH14BQNT	1	7		8.5	8.1		
40	14125717	VÕ THỊ THANH	TRÂM	DH14BQNT	1	7		7	7.0		
41	14125718	HUỖNH MINH	TRONG	DH14BQNT	1	5		6	5.7		
42	14125720	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	DH14BQNT	1	8		6.5	7.0		
43	14125723	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	Ý	DH14BQNT	1	8		6	6.6		
44	14125766	LÊ VIỆT	HÀ	DH14BQNT	1	8		8	8.0		
45	14125767	HUỖNH THỊ	HẠNH	DH14BQNT	1	8		7.5	7.7		
46	14125768	LÊ TRẦN MINH	TRÍ	DH14BQNT	1	8		8.5	8.4		
47	14125770	TRỊNH MINH	THÀNH	DH14BQNT	1	7		6	6.3		

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Mạnh
Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hòa Thanh
Đoàn Xuân Phong

Lê Anh Tuấn